

Số: /2019/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2019

THÔNG TƯ

**Quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực
thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ**

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Khoản 1, Điều 37, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, hồ sơ xét và trao tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân có nhiều đóng góp cho ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Các loại Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ

1. Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ là hình thức tặng thưởng của Bộ trưởng Bộ Nội vụ để ghi nhận thành tích, cống hiến, đóng góp của các cá nhân vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ Nội vụ.

2. Các loại Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ

- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước”.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thi đua, Khen thưởng”.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo”.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư, Lưu trữ”.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương chỉ xét tặng một lần cho cá nhân, không có hình thức truy tặng. Cá nhân trong quá trình công tác có thể được tặng nhiều loại Kỷ niệm chương.

2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương thực hiện theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự xét và trao tặng Kỷ niệm chương được quy định tại Thông tư này, đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai và kịp thời.

3. Bộ Nội vụ xét tặng Kỷ niệm chương vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống của các ngành và xét tặng đột xuất đối với các trường hợp đặc biệt.

Điều 4. Kinh phí phục vụ tặng Kỷ niệm chương

1. Kinh phí phục vụ tặng Kỷ niệm chương bao gồm: kinh phí chi cho việc in chứng nhận Kỷ niệm chương, chế tác logo biểu trưng của ngành, hộp, khung và kinh phí khác (nếu có).

2. Kinh phí in chứng nhận Kỷ niệm chương và chế tác biểu trưng (logo) và kinh phí khác được trích từ kinh phí cấp cho: Văn phòng Bộ đối với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước”; Ban Tôn giáo Chính phủ đối với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo”; Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đối với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thi đua, Khen thưởng”; Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đối với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư, Lưu trữ”.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương được nhận Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương và biểu trưng (logo) của ngành, lĩnh vực.

2. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương có trách nhiệm tiếp tục gìn giữ và phát huy truyền thống của Bộ Nội vụ, gương mẫu thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tổ chức đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, hồ sơ, thời hạn gửi và đảm bảo tính chính xác của hồ sơ theo quy định của Thông tư này và các quy định khác có liên quan về thi đua, khen thưởng.

4. Người xác nhận thành tích, cá nhân báo cáo không trung thực về tiêu chuẩn, điều kiện để được xét tặng Kỷ niệm chương thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về việc đề nghị và xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 6. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân đã và đang công tác trong các ngành Tổ chức nhà nước; Thi đua, khen thưởng; Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, tôn giáo; Văn thư, Lưu trữ:

a) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước”:

Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Nội vụ bao gồm: Các vụ chức năng, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ và các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác tổ chức cán bộ tại các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; các tổng công ty, tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Công chức làm công tác tổ chức cán bộ tại các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

Công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Sở Nội vụ, Ban Tổ chức - Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Công chức công tác trong lĩnh vực tổ chức nhà nước thuộc Phòng Nội vụ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Cán bộ, công chức làm công tác tổ chức cán bộ tại HĐND, UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thi đua, Khen thưởng”:

Lãnh đạo và thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng trung ương, Hội đồng Thi đua, khen thưởng các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, Hội đồng Thi đua, khen thưởng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Công chức, viên chức, nhân viên và người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Cán bộ, công chức công tác tại Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố; công chức chuyên trách, kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng tại Phòng Nội vụ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng tại các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; các tổng công ty, tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng tại các sở, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương.

Cán bộ, công chức chuyên trách, kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng tại HĐND - UBND các xã, phường, thị trấn; HĐND - UBND các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; HĐND - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

c) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo”:

Công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Ban Tôn giáo Chính phủ; Ban (Phòng) Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; công chức phụ trách công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại các Ban Dân tộc - Tôn giáo thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; công chức làm công tác quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo tại các Phòng Nội vụ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Công chức, viên chức, người lao động trực tiếp làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo hoặc liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo tại các cơ quan, ban, ngành như: Dân vận, Mặt trận tổ quốc, Công an, Quân đội, Ngoại giao, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh từ trung ương đến địa phương.

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm công tác quản lý tín ngưỡng, tôn giáo.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia công tác trong các Tổ công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp được tính vào thời gian kiêm nhiệm làm công tác tôn giáo.

d) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư, Lưu trữ”:

Công chức, viên chức, người lao động công tác ở các đơn vị thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Chi cục Văn thư, Lưu trữ.

Công chức, viên chức, người lao động chuyên trách, kiêm nhiệm công tác văn thư, lưu trữ tại Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Nội vụ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Cán bộ, công chức làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ cấp tỉnh, cấp huyện; viên chức quản lý tài liệu lưu trữ lịch sử của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Công chức, viên chức, người lao động chuyên trách, kiêm nhiệm công tác văn thư, lưu trữ trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân.

2. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; lãnh đạo các bộ, ban, ngành và đoàn thể trung ương; lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; lãnh đạo các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; lãnh đạo các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiều công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của Bộ

Nội vụ hoặc một trong các lĩnh vực: Tổ chức nhà nước; Thi đua, khen thưởng; Tôn giáo; Văn thư, Lưu trữ.

3. Cá nhân là người nước ngoài, người nước ngoài ở Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài có công xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện với Bộ Nội vụ hoặc một trong các lĩnh vực: Tổ chức nhà nước; Thi đua, khen thưởng; Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo; Văn thư, Lưu trữ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương

1. Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 6:

a) Hoạt động chuyên trách từ đủ 15 năm trở lên và hoạt động kiêm nhiệm từ đủ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm. Trường hợp được cử đi học tập hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì thời gian đi học, đi làm nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương. Trường hợp cá nhân không công tác liên tục thì thời gian xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn thời gian thực tế cá nhân công tác trong ngành Nội vụ.

b) Hệ số quy đổi giữa hoạt động chuyên trách và kiêm nhiệm được tính như sau: 1 năm hoạt động chuyên trách bằng 1,5 năm hoạt động kiêm nhiệm; 1 năm hoạt động kiêm nhiệm bằng 0,67 năm hoạt động chuyên trách.

c) Đối với các cá nhân công tác trong ngành Nội vụ có thời gian của mỗi ngành, lĩnh vực không đủ thời gian để xét tặng kỷ niệm chương thì tổng thời gian công tác trong ngành Nội vụ của cá nhân đó được tính để xét tặng Kỷ niệm chương. Cá nhân được xét tặng loại Kỷ niệm chương tại thời điểm đề nghị.

2. Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 6:

a) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước có nhiều công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của Bộ Nội vụ.

b) Lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Bí Thư, Phó Bí thư Thường trực; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phụ trách một trong 04 lĩnh vực/ngành của Bộ Nội vụ); lãnh đạo các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; lãnh đạo Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Có thời gian giữ chức vụ từ 01 nhiệm kỳ trở lên.

c) Lãnh đạo và thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng trung ương: Kiêm nhiệm từ 01 nhiệm kỳ trở lên; lãnh đạo và thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh: Kiêm nhiệm từ 02 nhiệm kỳ trở lên.

d) Lãnh đạo các sở, ban ngành ở địa phương (cấp trưởng và cấp phó phụ trách một trong 04 lĩnh vực của Bộ Nội vụ); Lãnh đạo các quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh (Bí Thư, Phó Bí thư Thường trực; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phụ trách một trong 04 lĩnh vực/ngành của Bộ Nội vụ): có thời gian giữ chức vụ từ 02 nhiệm kỳ trở lên.

3. Đối với các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 6:

Có thành tích xuất sắc trong việc củng cố quan hệ hợp tác quốc tế, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành hoặc lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

Điều 8. Đối tượng chưa được xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc có liên quan đến các vụ án hình sự mà chưa có kết luận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cá nhân đang trong thời gian thi hành một trong các hình thức kỷ luật. Thời gian chịu hình thức kỷ luật không được tính vào thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương.

3. Cá nhân đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Điều 9. Đối tượng không được xét tặng Kỷ niệm chương

Cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị phạt tù.

Điều 10. Những trường hợp được ưu tiên xét tặng Kỷ niệm chương

Cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 6, được ưu tiên xét tặng Kỷ niệm chương như sau:

1. Cá nhân được khen thưởng:

a) Cá nhân được tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang”, “Anh hùng lao động”, Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, đề nghị xét tặng ngay sau khi có quyết định khen thưởng.

b) Cá nhân được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương các loại (trừ các loại Huân chương nêu trên) được đề nghị xét tặng sớm hơn 05 năm so với thời gian quy định tại Khoản 1, Điều 7.

c) Cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được đề nghị xét tặng sớm hơn 3 năm so với thời gian quy định tại Khoản 1, Điều 7.

d) Các danh hiệu, hình thức khen thưởng để tính ưu tiên thời gian xét tặng Kỷ niệm chương phải được tặng và công nhận trong thời gian cá nhân công tác trong ngành; cá nhân được tặng nhiều danh hiệu, hình thức khen thưởng thì được tính thời gian ưu tiên của danh hiệu, hình thức khen thưởng cao nhất.

2. Cá nhân công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo: Thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân hệ số 1,5 để tính thời gian xét tặng Kỷ niệm chương.

3. Cá nhân nữ được xét tặng sớm hơn 03 năm so với thời gian quy định.

4. Tính đến thời điểm nghỉ hưu, nếu cá nhân còn thiếu từ 01 đến dưới 12 tháng thời gian so với quy định thì được ưu tiên xem xét tặng Kỷ niệm chương trước khi nghỉ hưu.

Chương III

TRÌNH TỰ, HỒ SƠ XÉT TẶNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 11. Trình tự xét tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước”

a) Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nội vụ lập hồ sơ các cá nhân đủ tiêu chuẩn của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Nội vụ trước ngày 30/6 hàng năm.

b) Vụ Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của các cá nhân thuộc quyền quản lý; các cá nhân công tác thuộc lĩnh vực Tổ chức nhà nước tại Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng Nội vụ các quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh và các trường hợp thuộc Khoản 2, Khoản 3, Điều 6 Thông tư này, kiểm tra đối chiếu với tiêu chuẩn quy định, lập hồ sơ các cá nhân đủ tiêu chuẩn, báo cáo lãnh đạo cùng cấp xem xét, gửi Bộ Nội vụ trước ngày 30/6 hàng năm.

2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thi đua, Khen thưởng”

a) Đối với các cá nhân quy định tại Điểm b, Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 6: Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ngành, đoàn thể trung ương; các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp nhận hồ sơ của các đơn vị, đối chiếu với tiêu chuẩn, lập hồ sơ các cá nhân đủ tiêu chuẩn, báo cáo lãnh đạo cùng cấp xem xét, gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trước ngày 10/4 hàng năm.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương, gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 10/5 hàng năm.

3. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, tôn giáo”

a) Đối với cá nhân quy định tại Điểm c, Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 6: Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ngành, đoàn thể trung ương; Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Tôn giáo Chính phủ; Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp nhận hồ sơ của các cá nhân, đơn vị, đối chiếu tiêu chuẩn, lập hồ sơ các cá nhân đủ tiêu chuẩn, báo cáo lãnh đạo cùng cấp xem xét, gửi hồ sơ về Ban Tôn giáo Chính phủ trước ngày 30/5 hàng năm.

b) Ban Tôn giáo Chính phủ tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương, gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 30/6 hàng năm.

4. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư, Lưu trữ”

a) Đối với cá nhân quy định tại Điểm d, Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 6:

Văn phòng các bộ, ngành, cơ quan trung ương của các tổ chức, đoàn thể và Sở Nội vụ (Chi cục Văn thư, Lưu trữ) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý, kiểm tra, đối chiếu với tiêu chuẩn quy định, lập hồ sơ các cá nhân đủ tiêu chuẩn báo cáo lãnh đạo cùng cấp xem xét và gửi về Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước trước ngày 05/11 hàng năm.

b) Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương, gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 01/8 hàng năm.

5. Phòng Thi đua, Khen thưởng và Truyền thông, Văn phòng Bộ Nội vụ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị của Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nội vụ; Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; Ban Tôn giáo Chính phủ; Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước; các Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Nội vụ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương, số lượng 02 bộ gồm:

a) Tờ trình đề nghị của đơn vị (theo mẫu tại Phụ lục I);

b) Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV);

c) Bản khai thành tích và quá trình công tác đối với cá nhân trong ngành (theo mẫu tại Phụ lục V);

d) Những trường hợp thuộc diện ưu tiên xét tặng được quy định tại Điều 10 Thông tư này kèm theo bản sao Quyết định khen thưởng và Bằng công nhận.

2. Lưu hồ sơ: 01 bộ lưu tại đơn vị đề nghị; 01 bộ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Nội vụ.

Điều 13. Tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương

1. Thời gian tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống của các ngành: Tổ chức nhà nước (28/8); Thi đua yêu nước (11/6); Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo (02/8) và Văn thư, Lưu trữ (03/01).

2. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm xem xét, trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ, đúng quy định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương có trách nhiệm tổ chức lễ trao tặng cho các cá nhân theo quy định hiện hành, đảm bảo trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020 và thay thế cho Thông tư số 01/2014/TT-BNV ngày 10/01/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Bộ Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ; các bộ, ngành, cơ quan trung ương; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Mẫu giấy chứng nhận Kỷ niệm chương về các lĩnh vực sử dụng thống nhất theo một mẫu quy định tại Phụ lục số VI.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nội vụ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; các Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế Nhà nước; ĐH Quốc gia Hà Nội; ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh;
- Website Chính phủ, Công báo;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- Các đơn vị, tổ chức thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: Văn thư, VP (TĐKT&TT,NS).

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số/2019/TT-BNV ngày/11/2019 của Bộ Nội vụ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Địa danh, ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “.....”

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số/2019/TT-BNV ngày ... tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định xét tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ;

(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị (tên cơ quan, tổ chức) thẩm định, xét duyệt và trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xét tặng Kỷ niệm chương “.....” năm ... cho ... cá nhân.

Trong đó:

1. Đối tượng là cá nhân trong ngành:

a) Đang công tác: người;

b) Đã nghỉ công tác: ... người.

2. Đối tượng là cá nhân ngoài ngành: người.

3. Đối tượng là người nước ngoài (nếu có): người .

(Danh sách và báo cáo thành tích cá nhân kèm theo)./.

Nơi nhận:

-

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu: VT, ...

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Thông tư số/2019/TT-BNV ngày/11/2019 của Bộ Nội vụ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “.....”

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm của)

(Đối với các cá nhân đã và đang công tác trong ngành)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thời gian công tác được tính để xét tặng Kỷ niệm chương (đã trừ thời gian kỷ luật, nếu có)	Đã nghỉ hưu	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1.							
2.							
3.							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Thông tư số/2019/TT-BNV ngày/11/2019 của Bộ Nội vụ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “.....”

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm của ...)

(Đối với cá nhân ngoài ngành)

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ và nơi công tác (Hiện nay hoặc trước khi nghỉ hưu)	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
1				
2				
...				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

(Kèm theo Thông tư số/2019/TT-BNV ngày/11/2019 của Bộ Nội vụ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “.....”

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày... tháng ... năm của ...)

(Đối với cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài)

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quốc tịch	Thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ
1				
2				
...				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V

(Kèm theo Thông tư số/2019/TT-BNV ngày/11/2019 của Bộ Nội vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thành tích và quá trình công tác đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “.....”

(Đối với những cá nhân đã và đang công tác trong ngành....)

I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ BẢN THÂN

- Họ và tên: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày nghỉ hưu (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC TRONG NGÀNH...

Thời gian (Từ tháng...năm... đến tháng...năm...)	Chức vụ, đơn vị công tác	Số năm công tác trong ngành	Số năm công tác trong ngành (đã quy đổi)	Danh hiệu và hình thức khen thưởng được ưu tiên theo Điều 10 của Thông tư (nếu có) (Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định)

III. KỶ LUẬT (Nếu có):

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC VI

(Kèm theo Thông tư số/2019/TT-BNV ngày/11/2019 của Bộ Nội vụ)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Kích thước: 297 x 210 mm (khổ giấy A4).
2. Bìa: Màu đỏ cờ; ruột: In màu và logo (mẫu kèm theo).
3. Tặng Kỷ niệm chương về lĩnh vực nào, in logo về lĩnh vực đó.

